TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/2019/DSST
Ngày: 24-9-2019
V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thông

2. Ông Nguyễn Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên toà: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số51/2019/TLST- DS ngày 07 tháng 6 năm 2019về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1969. Địa chỉ: thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: ông Khổng Đức K, sinh năm 1977. Địa chỉ: thôn 3, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Q và ông K đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Q trình bày:**

Ngày 05/4/2016, bà Phạm Thị Q có đứng ra vay hộ cho ông Khổng Đức K số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa tự thỏa thuận và trả

theo tháng. Ông K mới trả cho bà Q 500.000đồng tiền lãi vào ngày 12/8/2016 và hẹn 01 năm sau sẽ trả cả gốc và lãi. Quá thời hạn nói trên cho đến nay, mặc dù bà Q đã nhiều lần yêu cầu ông K trả tiền nhưng ông K không trả thêm một khoản tiền nào. Bà Q yêu cầu ông K phải trả 5.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi của 38 tháng x 0,9%/tháng - 500.000đồng(tiền lãi đã trả) = 1.210.000đồng. Tổng cộng 6.210.000đồng.

Số tiền vay nói trên không liên quan đến diện tích lối đi mà ông K đã chuyển nhượng cho bà Q.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Khổng Đức Kiên trình bày:**

Ngày 05/4/2016, bà Phạm Thị Q cho ông Khổng Đức K vay 5.000.000đồng nhưng không thỏa thuận lãi suất. Đến nay ông K chưa trả cho bà Q số tiền nợ gốc nào. Số tiền này giữa ông K và bà Q đã thỏa thuận: bà Q nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất để làm lối đi (không nhớ rõ chiều dài và chiều rộng) vào rẫy tại thôn 3, xã C, tiền chuyển nhượng sẽ trừ vào số tiền 5.000.000đồng mà ông K nợ bà Q. Việc thỏa thuận không được lập thành biên bản. Ông K đồng ý trả cho bà Q 5.000.000đồng nợ gốc, nhưng đề nghị bà Q trả lại diện tích lối đi cho ông K. Ông K không làm đơn yêu cầu bà Q trả lại diện tích lối đi trong vụ án này.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự chấp hành quy định. Tại phiên tòa đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc 5.000.000đồng và tiền lãi 1.078.000đồng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]Về tố tụng:

Ông Khổng Đức K (bị đơn) vay tiền của bà Phạm Thị Q (nguyên đơn) theo giấy vay tiền ngày 05/4/2016, nay có tranh chấp. Bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thôn 3, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS)

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Theo biên nhận vay tiền ngày 05/4/2016, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 5.000.000đồng, lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn trả 01 tháng (tính từ ngày vay). Bị đơn công nhận có vay nguyên đơn số tiền trên, bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc nào. Theo ý kiến của nguyên đơn thì ngày 12/8/2016, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 500.000đồng nợ lãi và hẹn thời gian trả gốc 01 năm sau, ngoài ra bị đơn chưa trả cho bị đơn khoản tiền nào khác.

Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do đó cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 5.000.000đồng nợ gốc theo biên nhận vay tiền ngày 05/4/2016.

Bị đơn đồng ý trả cho bị đơn 5.000.000đồng nợ gốc, nhưng đề nghị bị đơn trả lại diện tích lối đi vì nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận trừ số tiền nợ nói trên vào việc nguyên đơn nhận chuyển nhượng phần diện tích lối đi tại thôn 3, xã Cư Prao. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ, đơn yêu cầu để tòa án xem xét giải quyết. Nguyên đơn cho rằng việc chuyển nhượng lối đi đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ của các bên, không liên quan đến vụ án này. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đều có đơn giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành đối chất được. Nếu có tranh chấp về phần diện tích lối đi thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Vì vậy HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[2.2] Về lãi suất:

Biên nhận vay tiền ngày 05/4/2016 ghi "lãi suất hai bên tự thỏa thuận", Theo ý kiến của nguyên đơn ngày 12/8/2016, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 500.000đồng tiền lãi mà không xác định được thời gian tính lãi và mức lãi suất. Bị đơn cho rằng khi vay không thỏa thuận lãi suất là không có căn cứ. Như vậy, việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có tính lãi nhưng không xác định mức lãi suất trong hạn và mức lại suất quá hạn.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ và thời gian trả nợ, nên cần buộc bị đơn phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 và khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015.

Mức suất lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 9%/tháng là chưa phù hợp nên cần tính toán lại. Thực tế cho đến ngày xét xử, thời gian tính lãi là 03 năm 05 tháng 19 ngày, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lãi trong thời gian 38 tháng nhưng không xác định thời gian cụ thể. Vì vậy HĐXX cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tính lãi trong thời gian mà nguyên đơn yêu cầu là 38 tháng trên số nợ gốc = 1.155 ngày) theo mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể: (5.000.000đồng x 10%) x 1.155 ngày : 365 ngày = 1.582.000đồng. Sau khi trừ 500.000đồng tiền lãi mà bị đơn đã trả, còn lại bị đơn phải trả cho nguyên đơn 1.082.000đồng tiền lãi.

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc và tiền lãi là 6.082.000đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 128.000đồng.

[3] Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận 6.082.000đồng x 5% = 304.000đồng. Bị đơn thuộc hộ nghèo, có đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

- Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng tiền án phí DSST không có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 184; khoản 1 Điều 228 và Điều 244; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 468; Điều 688 và Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Q, buộc bị đơn ông Khổng Đức K phải trả cho bà Q 6.082.000đồng (*Sáu triệu không trăm tám mươi hai ngàn đồng*), bao gồm 5.000.000đồng nợ gốc và 1.082.000đồng tiền lãi suất (mức lãi suất 10%/năm trong thời gian 38 tháng) theo biên nhận vay tiền ngày 05/4/2016.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi 128.000đồng.

3.Về án phí:

- Bị đơn ông Khổng Đức K thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Q phải chịu 300.000đồng tiền án phí DSST không có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006248 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

4. Thông báo quyền kháng cáo : Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Vp, Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Hải